



Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH VỀ VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Kính thưa: Quý Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bưu điện (“Công ty”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) xem xét và biểu quyết thông qua việc chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty với các nội dung như sau:

I. Phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng

1. Tên tổ chức phát hành : Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện
2. Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện
3. Loại cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
5. Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành : 80.395.709 cổ phiếu
6. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 80.395.709 cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu
8. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán : 80.395.709 cổ phiếu
9. Tổng giá trị cổ phiếu phát hành thêm dự kiến theo mệnh giá : 803.957.090.000 đồng
10. Tỷ lệ phát hành : 100%
11. Giá chào bán : 10.000 VNĐ
12. Nguyên tắc và căn cứ xác định giá chào bán : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu được xác định dựa trên nguyên tắc và căn cứ theo: (i) giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu theo báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã kiểm toán của Công ty; và (ii) giá trị thị trường của cổ phiếu; và (iii) mức độ pha loãng cổ phiếu sau khi phát hành; và (iv) mức giá để đảm bảo lợi ích của cổ đông hiện hữu trong việc thực hiện quyền mua.
13. Đối tượng chào bán : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm do Trung tâm lưu ký

chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập.

14. Phương thức chào bán : Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.
15. Tỷ lệ thực hiện quyền : 1:1
16. Thời gian thực hiện : Trong năm 2022 và/hoặc năm 2023, sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
17. Chuyển nhượng quyền mua : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (*người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng lại cho người thứ ba*). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.
- Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông A sở hữu 100 cổ phiếu, sẽ được hưởng 100 quyền mua. Cổ đông A có thể chuyển nhượng 100 quyền mua cho nhà đầu tư B. Nhà đầu tư B không được chuyển nhượng lại quyền mua cho người thứ ba.
18. Xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ : Do tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1 nên không phát sinh cổ phiếu lẻ.
19. Xử lý số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua : Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc chào bán số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua cho nhà đầu tư/cổ đông khác trên nguyên tắc giá chào bán cho nhà đầu tư khác không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.
20. Đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài : Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
21. Chào mua công khai : Đồng ý cho cổ đông/nhà đầu tư được HĐQT lựa chọn khi thực hiện mua số cổ phiếu mà các cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua sẽ không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai theo quy định tại Luật Chứng khoán nếu việc mua số lượng đó dẫn đến tỷ lệ sở hữu đạt hoặc vượt các tỷ lệ sở hữu quy định tại Khoản 1 Điều 35 Luật chứng khoán.
22. Mục đích chào bán : Chào bán thêm cổ phiếu nhằm mục đích tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty, gồm:

- Bổ sung nguồn vốn để nâng cao sức mạnh vốn chủ sở hữu và sức mạnh của bảng cân đối để tăng năng lực khai thác khối khách hàng doanh nghiệp và bảo hiểm tài sản dự án và nâng cao vị thế kinh doanh của Công ty trong thị trường bảo hiểm.

Hiện nay PTI đang đứng thứ 3 về quy mô doanh thu nhưng chỉ xếp thứ 9 về Vốn điều lệ trong số 10 doanh nghiệp bảo hiểm có quy mô lớn nhất thị trường (Xem tại Phụ lục số 1);

- Bổ sung vốn để đảm bảo tiếp tục duy trì mức xếp hạng tín nhiệm bởi tổ chức AMBest đạt B++ (Xem tại Phụ lục số 2)

- Bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư giúp Công ty có được nguồn thu nhập ổn định tốt hơn, từ đó giúp thu hút được đội ngũ nhân sự cao cấp;

- Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư cho các hoạt động mở rộng các chi nhánh và phát triển nền tảng công nghệ.

23. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu : 50%

24. Phương án xử lý trong trường hợp chào bán cổ phiếu không thành công như dự kiến : Trong trường hợp số cổ phiếu đăng ký chào bán không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, HĐQT ủy quyền cho HĐQT cân nhắc bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua hình thức huy động khác như vay các tổ chức tín dụng hoặc vay từ tổ chức/cá nhân khác phù hợp với quy định của pháp luật.

25. Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành : Khi phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có thể xuất hiện rủi ro pha loãng cổ phiếu dự kiến sau phát hành, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu; (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu; (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết; (iv) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. Ủy quyền cho HĐQT căn cứ theo điều kiện thực tế tại thời điểm tổ chức thực hiện việc phát hành để đưa ra đánh giá cụ thể về mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành.

26. Hạn chế chuyển nhượng

Cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

Số cổ phiếu còn lại mà cổ đông hiện hữu từ chối mua/không mua hết khi được chào bán cho các nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật.

II. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân bổ sử dụng cho các hoạt động của Công ty, gồm: (i) Bổ sung nguồn vốn cho việc đầu tư mua trụ sở của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên: 35% số tiền thu được từ đợt chào bán; (ii) Bổ sung nguồn vốn cho đầu tư hạ tầng và hệ thống công nghệ thông tin: 10% số tiền thu được từ đợt chào bán; (iii) Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư tài chính dài hạn và các giấy tờ có giá trên thị trường: 45% số tiền thu được từ đợt chào bán; (iv) Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư tiền gửi tại ngân hàng (phù hợp với quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm): 10% số tiền thu được từ đợt chào bán.

Nguồn vốn phân bổ nêu trên có thể được luân chuyển linh động trong các hoạt động nêu trên của Công ty để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn của Công ty trong từng thời kỳ.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT xây dựng phương án sử dụng vốn cụ thể, quyết định cụ thể việc phân bổ sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty khi thực hiện phát hành cổ phiếu, kế hoạch phát triển chung của Công ty và đảm bảo lợi ích của cổ đông.

III. Đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung

Toàn bộ số lượng cổ phiếu được phát hành thêm sẽ được đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán nơi Công ty đang niêm yết cổ phiếu trong thời hạn mà pháp luật quy định.

IV. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

Ngoài các vấn đề ủy quyền cho Hội đồng quản trị được nêu cụ thể tại Phương án phát hành cổ phiếu và Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trên đây, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị các nội dung sau đây:

- Quy định cụ thể phương án phát hành cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung Phương án phát hành cổ phiếu theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thủ tục đăng ký chào bán cổ phiếu hoặc khi thấy cần thiết căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty và thị trường chứng khoán tại thời điểm phát hành để đảm bảo đợt phát hành được thành công;
- Quyết định thời điểm thực hiện việc phát hành cổ phiếu căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu huy động vốn và hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty;
- Tổ chức thực hiện các công việc và thủ tục liên quan đến việc phát hành cổ phiếu theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Quyết định và thực hiện tất cả các công việc, thủ tục cần thiết liên quan đến việc: (i) thay đổi mức vốn điều lệ, sửa đổi/bổ sung điều khoản quy định về mức vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty; và (ii) đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký kinh doanh của Công ty; và (iii) đăng ký, lưu ký bổ sung cổ phiếu của Công ty tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; và (iv) đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán;

- Quy định cụ thể phương án sử dụng vốn khi thấy cần thiết hoặc khi có yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thủ tục đăng ký chào bán cổ phiếu; Cân đối và phân bổ nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu để sử dụng theo đúng mục đích được ĐHĐCĐ thông qua nhưng phải đảm bảo tiêu chí hoạt động của công ty chứng khoán, và chủ động điều chỉnh việc sử dụng nguồn vốn thu được, thời điểm giải ngân nguồn vốn hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn (nếu cần thiết) cho phù hợp với thực tế của Công ty và báo cáo ĐHĐCĐ kỳ gần nhất về các điều chỉnh /thay đổi liên quan đến phương án sử dụng vốn này.
- Quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu, đăng ký, lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu và sử dụng vốn thu được từ việc chào bán cổ phiếu.

V. Tổ chức thực hiện

Đại hội đồng cổ đông giao cho HĐQT quyết định cụ thể việc triển khai thực hiện các phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng nêu trên căn cứ theo điều kiện thị trường và thực tế hoạt động của Công ty.

Trên đây là các nội dung về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty, HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

TỔNG CÔNG TY CP BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN KÍNH TRÌNH

**Phụ lục số 1: Mức vốn điều lệ và Biên khả năng thanh toán
các Công ty bảo hiểm top 10**

Đơn vị: triệu đồng

TT	Công ty	Doanh thu 2020	Doanh thu 2021	Vốn điều lệ 31/12/21	Biên khả năng thanh toán 2021
1	Bảo Việt	9.725.582	8.940.970	2.900.000	159%
2	PVI	7.401.636	8.287.702	1.430.000	(*)
3	MIC	3.157.243	3.936.424	1.430.000	134%
4	BIC	2.362.705	2.680.408	1.172.768	380%
5	Bảo Minh	4.220.104	4.486.145	1.096.239	134%
6	BHS	2.313.552	2.692.341	1.000.000	(*)
7	VNI	1.709.411	2.181.756	1.000.000	157%
8	PGI	3.508.675	3.344.092	887.177	206%
9	PTI	5.960.315	5.881.283	803.957	168%
10	Bảo Long	1.274.704	1.237.059	600.000	219%

() Doanh nghiệp không công bố*

Phụ lục số 2: Kết quả đánh giá của AM Best về xếp hạng tín nhiệm

Các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam đã có xếp hạng tín nhiệm bởi AM Best

Công ty	Financial Strength Rating	Long-Term Issuer Credit Rating
PVI Insurance	B++ (Good)	bbb+ (Good)
PVI Re	B++ (Good)	bbb (Good)
Samsung Vina	A- (Excellent)	a- (Excellent)
BIC	B++ (Good)	bbb (Good)
PJICO	B++ (Good)	bbb (Good)
BMI	B++ (Good)	bbb (Good)
Vinare	B++ (Good)	bbb+ (Good)
Fubon	B++ (Good)	bbb+ (Good)

PTI đã triển khai dự án xếp hạng tín nhiệm từ tháng 11/2018. Sau 3 năm thực hiện, trên cơ sở số liệu giả định đến năm 2023 quy mô vốn điều lệ của PTI là 1.400 tỷ, tăng thêm 600 tỷ đồng, PTI đã bảo vệ thành công mức xếp hạng B++, ngang bằng PVI, BIC và Pjico. Theo mô hình tính toán BCAR và khuyến nghị của AM Best, nếu tỷ lệ tăng trưởng doanh thu hàng năm đạt 15% và duy trì danh mục đầu tư 90% là tiền gửi, thực hiện chi trả cổ tức 10% bằng cổ phiếu vào năm 2022 nhưng không tăng vốn điều lệ thì đến hết năm 2022 sang năm 2023 chỉ số BCAR của PTI sẽ giảm xuống dưới 25%, theo đó mức xếp hạng tín nhiệm của PTI chỉ đạt B+, giảm một bậc so với hiện nay.

BCAR Standard Scenarior 2					
Assumption	1	Coeffecient ratio	AMBest 2021 Stochastic Template		
	2	Less covariance	40%		
	3	Y.o.Y growth	15%		
	4	Divident by share	10% until 31/12/2022		
	5	Capital Injection	No		
	6	Investment portfolio			
	a	Fixed Income	83%		
	b	Securities	10%		
	c	Real estate	5%		
	d	Other	2%		
	2019	2020	2021	2022	2023
	VaR 99.6	VaR 99.6	VaR 99.6	VaR 99.6	VaR 99.6
Reported Capital	1,867,562,458	2,021,152,838	2,174,952,826	2,398,089,871	2,653,131,988
Equalization Reserves	83,020,147	34,005,061	27,609,833	34,096,569	34,846,569
Loss reserve Equity	(34,178,895)	(31,124,185)	(52,575,667)	(116,192,223)	(133,621,057)
Intangible Assests	1,438,270		2,148,618	1,740,874	1,333,129
UPR change	62,372,116	93,793,555	42,362,017	140,690,333	161,793,882
Available Capital	1,852,593,324	1,930,240,159	2,105,476,357	2,173,563,010	2,391,230,489
Asset Risk:					
Fixed Income Securities Risk	436,275,646	547,432,427	532,080,105	556,910,278	696,403,261
Equity Securities Risk	532,147,974	175,252,222	262,878,333	341,741,833	393,003,108
Interest Rate Risk	8,751,304	9,448,041	9,493,388	9,366,445	11,086,779
Credit Risk	287,285,026	204,086,697	206,302,909	206,279,278	206,265,100
Total Asset Risk	1,264,459,950	936,219,387	1,010,754,734	1,114,297,834	1,306,758,249
Underwriting Risk:					
Net Loss and LAE Reserve Risk	179,447,719	219,031,199	226,502,697	231,377,697	236,252,697
Net Premium Risk	930,553,793	1,151,791,039	1,190,927,144	1,337,492,873	1,495,042,067
Total Underwriting Risk	1,110,001,512	1,370,822,238	1,417,429,841	1,568,870,570	1,731,294,764
Business Risk					
Net Catastrophe PML	45,532,134	33,475,286	22,225,248	23,207,147	24,284,146
Gross Required Capital	2,419,993,596	2,340,516,911	2,450,409,824	2,706,375,551	3,062,337,159
Less: Covariance Adjustment	1,208,953,342	1,009,453,511	980,163,929	1,082,550,220	1,224,934,863
Net Required Capital	1,211,040,254	1,331,063,400	1,470,245,894	1,623,825,331	1,837,402,295
Adjusted BCAR (Standard)	34.63%	31.04%	30.17%	25.29%	23.16%